TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2026/DS-ST
Ngày: 02-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương

2. Bà Vương Thị Hồng Thanh

Thư ký phiên toà: Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Anh K năm 1970; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, Thành phố H mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương Thanh S năm 1981; bà Phùng Thị Mỹ L năm 1989; cùng địa chỉ thường trú: Số A, H, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố H ở hiện nay: Số A, khu phố L, phường L, Thành phố H mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Anh K1 trình bày:

Do chỗ quen biết nên vào ngày 05/9/2023 bà Phùng Thị Mỹ L1 mượn của ông số tiền 60.000.000 đồng. Bà L2 kết khi nào ông K2 số tiền trên thì bà sẽ trả cho ông K

Đến ngày 21/11/2023 vợ chồng ông Trương Thanh S1 bà Phùng Thị Mỹ L3 tục vay của ông số tiền 400.000.000 đồng. Thời gian trả tiền là vào ngày 21/11/2025.

Tổng số tiền ông K cho vợ chồng ông Sbà L4 là 460.000.000 đồng; mục đích vay: Để

kinh doanh

Lãi suất: Theo giấy mượn tiền không thỏa thuận lãi suất, nhưng thực tế bị đơn có trả lãi cho ông 02 tháng tiền lãi vào ngày 21/12/2023 và ngày 21/01/2024 số tiền là 26.000.000 đồng. Sau đó bị đơn ngưng không thanh toán và từ tháng 2/2024 đến tháng 8/2024 bị đơn thanh toán lại tiền lãi cho ông mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Từ tháng 09/2024 đến nay bị đơn ngưng thanh toán tiền lãi cho ông. Riêng tiền nợ gốc bị đơn chưa thanh toán cho ông đồng nào.

Do nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc, nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc 460.000.000 đồng. Riêng tiền lãi ông không yêu cầu thanh toán.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Giấy vay tiền ngày 21/11/2023; giấy mượn tiền ngày 05/9/2023; Căn cước công dân; thông báo yêu cầu trả nợ; vận đơn; giấy đăng ký kết hôn của ông Sbà L6.

- Qúa trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Thanh Sbà Phùng Thị Mỹ L5 nhất trình bày:

Bị đơn thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về số tiền nợ gốc bị đơn vay của nguyên đơn là 460.000.000 đồng; mục đích vay để vợ chồng nguyên đơn lấy vốn kinh doanh chung. Riêng tiền lãi giấy mượn tiền không thể hiện tiền lãi. Tuy nhiên, tính đến nay vợ chồng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn khoảng 200.000.000 đồng tiền lãi.

Do làm ăn khó khăn nên vợ chồng bị đơn ngưng thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn từ khoảng tháng 12 năm 2024 đến nay. Nhiều lần nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc, nhưng do kinh tế khó khăn nên bị đơn không có khả năng thanh toán cho nguyên đơn.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 460.000.000 đồng thì bị đơn đồng ý. Tuy nhiên bị đơn không có khả năng thanh toán một lần cho nguyên đơn. Nguyện vọng của bị đơn xin nguyên đơn cho trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông Đỗ Anh K1 khởi kiện yêu cầu ông Trương Thanh Sbà Phùng Thị Mỹ L6; địa chỉ hiện nay đang sinh sống: Số A, khu phố L, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh trả tiền nợ vay. Xét, đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực

16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025).

[2] Qúa trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn thống nhất trình bày vào các ngày 05/9/2023, ngày 21/11/2023 bị đơn vay của nguyên đơn tổng số tiền 460.000.000 đồng; mục đích vay để vợ chồng bị đơn lấy vốn kinh doanh chung; tính đến nay vợ chồng bị đơn chưa thanh toán nợ gốc cho nguyên đơn; nhiều lần nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc, nhưng do kinh tế khó khăn nên bị đơn chưa thanh toán được cho nguyên đơn. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông K yêu cầu ông Sbà L6 phải trả số tiền nợ gốc 460.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy mượn tiền ngày 05/9/2023 và giấy vay tiền ngày 21/11/2023. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 05/9/2023 có nội dung thể hiện bà Phùng Thị Mỹ L7 của ông K3 tiền 60.000.000 đồng, nhưng số tiền này bà L cùng ông S buôn bán kinh doanh, sử dụng chung; hợp đồng không thể hiện thời hạn thanh toán mà chỉ thể hiện nội dung khi nào ông K2 tiền thì bà L12 ý trả cho ông K

Tại Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự quy định về việc thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Theo tờ vận đơn ngày 27/11/2025 thể hiện ông K4 gửi thông báo yêu cầu ông Sbà L6 trả nợ vay, ngày 06/12/2025 ông Sbà L8 nhận được thông báo, nhưng đến nay không thanh toán tiền cho ông K5 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông K6 kiện yêu cầu vợ chồng ông S, bà L9 số tiền này là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng theo giấy vay ngày 21/11/2023 thể hiện thời hạn trả vào ngày 21/11/2025. Nhiều lần ông K7 cầu vợ chồng bị đơn trả nợ, nhưng đến hạn ông Sbà L10 trả cho ông K là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông K khởi kiện yêu cầu ông Sbà L11 thanh toán số tiền 400.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 21/11/2023 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông Sbà L12 ý trả cho ông K3 tiền 460.000.000 đồng, nhưng do kinh tế khó khăn nên ông Sbà L13 trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng không được ông K8 nhận. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả dần của nguyên đơn.

[5] Về tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về yêu cầu trả nợ gốc. Buộc ông Sbà L6 phải thanh toán cho ông K tổng số tiền 460.000.000 đồng.

[7] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025);

- Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự;

- Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Anh K1 về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn ông Trương Thanh Sbà Phùng Thị Mỹ L6.

2. Buộc ông Trương Thanh S3 Phùng Thị Mỹ L6 phải thanh toán cho ông Đỗ Anh K1 số tiền 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Trương Thanh Sbà Phùng Thị Mỹ L6 phải chịu 22.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết